

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NAGAKAWA**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Thông tư 116/TT – BTC ngày 31/12/2020;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa;
- Căn cứ vào Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa ngày 05/04/2023.

**QUYẾT NGHỊ**

**Điều 1. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc năm 2022**

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 2. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022**

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 3. Thông qua Báo cáo của HĐQT về thay đổi phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2022**

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 4. Thông qua Tờ trình về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023**



**1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022:**

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% TH/KH
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1,800,000,000,000	1,909,964,896,849	106.1%
2	Doanh thu thuần	1,746,000,000,000	1,903,986,481,875	109.0%
3	Lợi nhuận sau thuế	25,000,000,000	23,581,500,149	94.3%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1.40%	1.2%	88.5%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	7.70%	7.57%	98.4%
6	Tỷ lệ cổ tức (*)	Từ 05% - 10%	5%	

(\*) Cổ tức được chi trả bằng cổ phiếu. Tỷ lệ cổ tức được tính căn cứ trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty tại ngày 12/01/2022.

**2. Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023:**

ĐVT: VNĐ

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	
		Kế hoạch	% tăng/giảm so với năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2,100,000,000,000	10%
2	Doanh thu thuần	2,016,000,000,000	6%
3	Lợi nhuận sau thuế	35,000,000,000	48%
4	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	1.7%	0.5%
5	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	8.9%	1.3%
6	Tỷ lệ cổ tức	Từ 05% - 10%	

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 5. Thông qua báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán**

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 6. Thông qua thù lao của HĐQT và BKS năm 2022 và kế hoạch thù lao năm 2023****1. Thù lao của HĐQT và BKS năm 2022:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị:	600.000.000
	+ Chủ tịch HĐQT:	180.000.000
	+ Phó chủ tịch HĐQT:	150.000.000
	+ Các thành viên HĐQT:	270.000.000
2	Thù lao Ban kiểm soát	130.000.000
	+ Trưởng Ban kiểm soát:	70.000.000
	+ Các thành viên Ban kiểm soát:	60.000.000

**2. Kế hoạch thù lao của HĐQT và BKS năm 2023:**

Đơn vị: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao
1	Thù lao của Hội đồng quản trị	Không quá 02% Lợi nhuận trước thuế năm 2023
	+ Chủ tịch HĐQT:	Không vượt quá 0,6% lợi nhuận trước thuế năm 2023
	+ Phó chủ tịch HĐQT:	Không vượt quá 0,5% lợi nhuận trước thuế năm 2023
	+ Các thành viên HĐQT:	Không vượt quá 0,9% lợi nhuận trước thuế năm 2023.
2	Thù lao Ban kiểm soát	Không vượt quá 0,5% Lợi nhuận trước thuế năm 2023
	+ Trưởng Ban kiểm soát:	Không vượt quá 0,25% lợi nhuận trước thuế năm 2023
	+ Các thành viên Ban kiểm soát:	Không vượt quá 0,25% lợi nhuận trước thuế năm 2023

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 7. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Khoản mục	Năm 2022
1	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	23,581,500,149
2	Tổng trích lập các quỹ	1,650,705,010
2.1	Trích quỹ đầu tư phát triển 5% LNST (bắt buộc)	1,179,075,007
2.2	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi 2% LNST	471,630,003
3	Thù lao HĐQT & BKS	730,000,000
3.1	Trả thù lao HĐQT	600,000,000
3.2	Trả thù lao Ban kiểm soát	130,000,000
4	Chia cổ tức 5% Vốn điều lệ tại ngày 31/12/2022	15,823,270,500
5	Lợi nhuận sau thuế còn lại bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh	5,377,524,639



Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 8. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán BCTC năm 2023**

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 9. Thông qua nội dung Ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh liên quan đến việc chuyển niêm yết cổ phiếu từ sàn giao dịch HNX sang sàn giao dịch HOSE.**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh liên quan đến việc chuyển niêm yết cổ phiếu từ sàn giao dịch HNX sang sàn giao dịch HOSE.

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. (số cổ phần có quyền biểu quyết là số lượng cổ phần sau khi đã loại bỏ số cổ phần của cổ đông có lợi ích liên quan theo quy định pháp luật).

**Điều 10. Thông qua nội dung Ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu và chi phí với các bên có liên quan.**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Ủy quyền HĐQT quyết định các giao dịch phát sinh doanh thu và chi phí với các bên có liên quan.

Số phiếu biểu quyết tán thành: 6.831.128 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. (số cổ phần có quyền biểu quyết là số lượng cổ phần sau khi đã loại bỏ số cổ phần của cổ đông có lợi ích liên quan theo quy định pháp luật).

**Điều 11. Thông qua nội dung ủy quyền HĐQT quyết định về việc sửa đổi điều lệ Công ty.**

Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Ủy quyền HĐQT quyết định về việc sửa đổi điều lệ Công ty.

Số phiếu biểu quyết tán thành: 23.426.857 cổ phần, chiếm 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**Điều 12. Tổ chức thực hiện:**

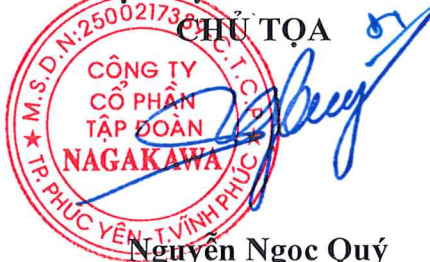
Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Tập đoàn Nagakawa phê duyệt toàn văn tại cuộc họp. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty và các cá nhân có liên quan căn cứ nội dung Nghị quyết này để triển khai thực hiện.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày 05/04/2023./.

**Nơi nhận:**

- Toàn thể cổ đông của NAG
- TV HĐQT, BKS;
- Tổng Giám đốc Nagakawa;
- Người CBTT Nagakawa;
- Lưu: VT.

**T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỌA**  
  
**Nguyễn Ngọc Quý**